

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2022/DS-ST**

Ngày: 20/12/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và ông Nguyễn Hữu Trực.

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Huế, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2021/DSST ngày 27/7/2022; Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 227/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy V, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 02 Kiệt 136 đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Mai Thị Như H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 04 kiệt 16 đường Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Ông Hồ Nam Đ, bà Đặng Thị Thu H; Địa chỉ: 92 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/11/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Thị Thúy V đều trình bày:

Do có quan hệ quen biết nhau nên vào ngày 18/7/2013, bà Vân có cho vợ chồng ông Hồ Nam Đ, bà Đặng Thị Thu H mượn số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 07/11/2013, do cần tiền nên ông Đ và bà H tiếp tục mượn tiền của bà Vân và được bà V cho mượn thêm 150.000.000 đồng. Cả hai lần đều có lập giấy mượn tiền và đều có chữ ký của ông Đ và bà H. Tuy trong hai giấy mượn tiền đều không ghi thời hạn trả nợ và không ghi lãi suất cho vay nhưng ông Đ và bà H đều hứa hẹn miệng nhiều lần chỉ mượn một thời gian ngắn rồi sẽ trả lại tiền cho bà V. Mặc dù

bà V đã rất nhiều lần nhắc nhở ông Đ bà H nhưng vợ chồng ông Đ bà H vẫn cố tình không chịu trả. Do đó vào ngày 16/7/2021, bà đã gửi thông báo đòi nợ cho ông Đ và bà H. Quá trình mượn tiền, ông Đ và bà H có đưa cho bà V giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 00018 QSDĐ/3671-2002 do UBND thành phố H cấp ngày 08/11/2002 đứng tên ông bà Lê Văn T- Hoàng Thị L, thay đổi chủ sử dụng kế tiếp ngày 11/02/2003 là ông bà Hồ Ngọc B- Nguyễn Thị N và một bản di chúc photo lập ngày 24/3/2006 có nội dung ông B bà N để lại nhà đất nói trên cho ông Đ. Mục đích ông Đ bà H đưa giấy tờ đã nói trên là để tạo lòng tin cho bà V để bà V cho mượn tiền. Sau khi vay thì vợ chồng ông Đ bà H chưa trả nợ gốc được đồng nào. Nay bà V đang bị bệnh nặng cần tiền để điều trị nên bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ bà H phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng. Sau khi ông Đ bà H trả đủ số tiền thì bà V sẽ trả lại giấy tờ nhà đất đã nói trên cho ông Đ bà H.

Tại phiên tòa ngày 30/11/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Đ bà H phải trả cho bà số tiền lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 07/11/2013 cho đến ngày 05/10/2022 là 09 năm, tương đương 108 tháng, tiền lãi mỗi tháng là 2.900.000 đồng, tổng cộng gồm 330.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút đơn khởi kiện bổ sung, chỉ yêu cầu vợ chồng ông Đ bà H phải trả cho bà V số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2022, bị đơn là ông Hồ Nam Đ trình bày: Ông xác nhận vào ngày 18/7/2013, vợ chồng ông là Hồ Nam Đ, Đặng Thị Thu H có mượn của bà Lê Thị Thúy V số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 07/11/2013, do cần tiền nên vợ chồng ông tiếp tục mượn thêm của bà V số tiền 150.000.000 đồng. Tổng cộng là 350.000.000 đồng. Khi mượn giữa hai bên có xác lập giấy mượn tiền có chữ ký của hai vợ chồng ông và bà V. Tuy trong hai giấy mượn tiền đều không ghi thời hạn trả nợ và không ghi lãi suất cho vay nhưng vợ chồng ông vẫn dự định chỉ mượn bà V trong một thời gian ngắn rồi sẽ trả lại tiền cho bà V, nhưng do gặp khó khăn nên ông bà chưa có tiền để trả lại. Tuy nhiên, trong thời gian mượn tiền thì hàng tháng ông vẫn trả lãi đều đặn cho bà V. Lãi suất được tính là 1.000.000 đồng lấy lãi 7.000 đồng và ông đã trả lãi được hơn một năm, sau đó thì không có khả năng để trả nữa. Quá trình khi vay mượn tiền của bà V thì ông có lấy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 00018 QSDĐ/3671-2002 do UBND thành phố Huế cấp ngày 08/11/2002 đứng tên ông bà Lê Văn Tấn- Hoàng Thị Lộc, thay đổi chủ sử dụng kế tiếp ngày 11.02/2003 là ông bà Hồ Ngọc Bích- Nguyễn Thị N, chính là bố mẹ của ông để giao cho bà V làm tin. Nay bà V khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả lại số tiền nói trên thì ông đồng ý và sẽ trả toàn bộ số tiền 350.000.000 đồng vào ngày 31/12/2022.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2022, bị đơn là bà Đặng Thị Thu Hương trình bày: Bà xác nhận vào ngày 18/7/2013 và ngày 07/11/2013, vợ chồng bà là Hồ Nam Đ, Đặng Thị Thu H có xác lập giấy mượn tiền với bà Lê Thị Thúy V để vay số tiền 2 lần tổng cộng là 350.000.000 đồng. Tuy có ký vào giấy mượn tiền nhưng bà không nắm nội dung vì mọi giao dịch là giữa ông Đ và bà V chứ bà không biết gì. Quá trình khi vay mượn tiền của bà V thì ông Đ có lấy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 00018 QSDĐ/3671-2002 do UBND thành phố

H cấp ngày 08/11/2002 đứng tên ông bà Lê Văn T- Hoàng Thị L, thay đổi chủ sử dụng kế tiếp ngày 11/02/2003 là ông bà Hồ Ngọc B- Nguyễn Thị N, chính là bố mẹ của ông Đ để giao cho bà V làm tin. Nay bà V khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả lại số tiền nói trên thì bà đồng ý và vợ chồng bà sẽ trả toàn bộ số tiền 350.000.000 đồng cho bà V vào ngày 31/12/2022.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V; Buộc ông Đ bà H phải thanh toán cho bà Lê Thị Thúy V số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng; Buộc ông Đ bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Thúy V khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Hồ Nam Đ, bà Đặng Thị Thu H, có địa chỉ tại số nhà 92 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông Hồ Nam Đ, bà Đặng Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ bà H.

Đối với việc rút yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn tại phiên tòa, về việc yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Đ bà H phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 07/11/2013 cho đến ngày xét xử. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn vượt quá yêu phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, việc rút yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng

xét xử đình chỉ một phần yêu cầu trên của nguyên đơn về số tiền lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 07/11/2013 cho đến ngày 05/10/2022 gồm 330.000.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Vân, đề nghị Tòa án buộc ông Đ và bà H phải trả lại số tiền là 350.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Bà V, ông Đ và bà H đều thừa nhận nội dung: Ông Đ và bà H có hai lần vay tiền của bà V, cụ thể: Ngày 18/7/2013 vay 200.000.000 đồng, đến ngày 07/11/2013 vay 150.000.000 đồng, tổng cộng hai lần vay là 350.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên có viết giấy mượn tiền và không thể hiện có lãi suất và thời hạn trả. Như vậy, có căn cứ xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi.

[2.2] Ông Đ và bà H đều xác nhận còn nợ của bà Vân số tiền 350.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này vào ngày 31/12/2022. Như vậy, ông Đ và bà H đã thừa nhận nghĩa vụ trả nợ.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự có quy định: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”, tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự có quy định: “1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Trước khi khởi kiện, bà V đã báo cho ông Đ và bà H phải trả tiền nhưng ông bà không trả, bà V không đồng ý việc ông Đ và bà H trả tiền theo thời hạn trên nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần buộc ông Đ và bà H phải trả tiền theo yêu cầu của bà V.

Đối với ý kiến của ông Đ cho rằng bà V cho vợ chồng ông vay tiền có với lãi suất cao, tương ứng 252%/năm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu ông Đ và bà H cung cấp chứng cứ chứng minh bà V đã thu tiền lãi của ông bà với lãi suất 252%/năm trên tổng số tiền 350.000.000 đồng mà bà V đã cho mượn nhưng ông Đ và bà H không cung cấp được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.3] Đối với Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 00018 QSDĐ/3671-2002 do UBND thành phố Huế cấp ngày 08/11/2002 đứng tên ông bà Lê Văn T- Hoàng Thị L, thay đổi chủ sử dụng kế tiếp ngày 11/02/2003 là ông bà Hồ Ngọc B- Nguyễn Thị Na, do ông Đ và bà H giao cho bà V giữ không phải là tài sản của ông Đ và bà V, không thuộc đối tượng thế chấp tài sản. Do đó, cần buộc bà V phải trả lại cho ông Đ và bà H để quản lý, lưu giữ.

Từ những nhận định, căn cứ trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc ông Đ và bà H phải trả tiền cho bà V số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng. Buộc bà V trả lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất cho ông Đ và bà H.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hồ Nam Đ, bà Đặng Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.500.000 đồng (350.000.000 đồng x 5 %) = 17.500.000 đồng.

- Bà Lê Thị Thúy V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Lê Thị Thúy V số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 8.750.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 186; b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 119, 280, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Thúy V về số tiền lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 07/11/2013 cho đến ngày 05/10/2022 gồm 330.000.000 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy V.

Buộc ông Hồ Nam Đ, bà Đặng Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thúy Vn số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Buộc bà Lê Thị Thúy V trả Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 00018 QSDĐ/3671-2002 do UBND thành phố Huế cấp ngày 08/11/2002 đứng tên ông bà Lê Văn T- Hoàng Thị L, thay đổi chủ sử dụng kế tiếp ngày 11/02/2003 là ông bà Hồ Ngọc B- Nguyễn Thị N cho ông Hồ Nam Đ và bà Đặng Thị Thu H trực tiếp lưu giữ.

[4]. Về án phí:

- Ông Hồ Nam Đ, bà Đặng Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.500.000đồng.

- Bà Lê Thị Thúy V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Lê Thị Thúy V số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 8.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004342 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự

năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu dán.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế